

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 594/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2018.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 864/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2018/QĐST-HPT ngày 30/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 238/2 đường C, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 336/60/1 đường L, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T vắng mặt không có lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017; Bản tự khai ngày 08/02/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Bà và ông Phạm Đức T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 09/3/2016).

Trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, hơn nữa Ông T thường xuyên uống rượu dẫn đến không làm chủ được hành vi, nhiều lần dùng hung khí hành hung bà, sau khi tỉnh rượu thì không còn nhớ đến những gì đã diễn ra khiến bà rất lo sợ đến sự an toàn về tính mạng và sức khỏe. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đức T.

- Về con chung: Bà và Ông T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Mỹ Y, sinh ngày 03/02/2017, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn là ông Phạm Đức T: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm, Ông T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có mặt; không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phạm Đức T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Phạm Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26, ngày 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày thì vợ chồng bà sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về mọi mặt. Ông T hay uống rượu say đến mức không làm chủ được hành vi nên nhiều lần đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của bà.

Đối với ông Phạm Đức T đã được Tòa án đã triệu nhiều lần để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng và tạo điều kiện cho vợ chồng ông tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng Ông T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và không thông báo lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông T không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ Ông T không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với bà L. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Phạm Đức T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Mỹ Y, sinh ngày 03/02/2017, bà L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; trẻ Phạm Ngọc Mỹ Y hiện dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Phạm Ngọc Mỹ Y cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ghi nhận bà L không yêu cầu Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung; tài sản chung tự thỏa thuận với Ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm L về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Phạm Đức T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Phạm Đức T chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 09/3/2016 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Phạm Đức T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Phạm Ngọc Mỹ Y, sinh ngày 03/02/2017 cho đến khi thành niên.

Ghi nhận bà L không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà L. Trường hợp Ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ông T.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung; tài sản chung tự thỏa thuận với Ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028511 ngày 14/12/2017 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Cẩm L đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

